

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-332A INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-332A BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No./ Số hồ sơ

County

Quận/hạt

In The General Court Of Justice
 District Superior Court Division
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực Thượng Thẩm

Name Of Defendant/ Tên bị cáo

Defendant's Drivers License No./ Số bằng lái của bị cáo

State/ Tiểu bang

Name Of Petitioner/Applicant (Vehicle Owner)/ Tên người nộp đơn/nguyên đơn (Chủ xe)

Petitioner's/Applicant's Drivers License No./ Số bằng lái của người nộp đơn/nguyên đơn

State/ Tiểu bang

Vehicle Identification No./ Số nhận dạng xe

Vehicle Type/ Loại xe

Make/ Hiệu xe

Year/ Đời xe

Vehicle License No./ Số bằng xe

State/ Tiểu bang

Date Of Seizure/ Ngày tịch thu

Date Of Offense/ Ngày vi phạm

ORDER ON NON-DEFENDANT OWNER'S
PETITION/APPLICATION FOR RELEASE OF SEIZED
MOTOR VEHICLE - IMPAIRED DRIVING
ÁN LỆNH VỀ ĐƠN XIN/YÊU CẦU
TRẢ LẠI CHIẾC XE BỊ TỊCH THU CHO CHỦ SỞ HỮU
KHÔNG PHẢI LÀ BỊ CÁO - TRƯỜNG HỢP LÁI XE TRONG
TÌNH TRẠNG KHÔNG TỈNH TÁO

G.S. 20-28.2(e), 20-28.3(e), 20-28.3(e1)

I. CLERK'S ORDER ON PETITION FOR TEMPORARY RELEASE
I. LỆNH CỦA LỤC SỰ VỀ ĐƠN XIN TRẢ LẠI CHIẾC XE TẠM THỜI

On the application of the person named above for the temporary release of the motor vehicle described above pending a proceeding before the Clerk on permanent release or pending a hearing on the forfeiture of the vehicle, the undersigned finds as follows:

Căn cứ vào đơn xin của người có tên trên đây yêu cầu được tạm thời trả lại chiếc xe được miêu tả ở trên trong thời gian chờ Lục Sự xem xét việc vĩnh viễn trả lại chiếc xe hoặc chờ Tòa Án xét xử việc tước quyền sở hữu xe, người ký tên dưới đây xác nhận những điều sau:

1. The applicant is a person in whose name a registration card or certificate of title for the motor vehicle was issued **at the time of the seizure.**
1. Người nộp đơn là người đứng tên trong giấy đăng ký hay chứng từ sở hữu chiếc xe **vào thời điểm xe bị tịch thu.**
2. The motor vehicle was seized and impounded pursuant to G.S. 20-28.3.
2. Chiếc xe bị tịch thu và lưu giữ chiếu theo điều G.S. 20-28.3.
3. The motor vehicle has been seized for at least 24 hours.
3. Chiếc xe bị tịch thu cách đây ít nhất 24 tiếng.
4. The applicant was not the driver at the time of the underlying offense resulting in the seizure.
4. Người nộp đơn không phải là người lái xe vào lúc xảy ra tội ban đầu dẫn đến việc tịch thu xe.
5. The applicant has properly executed an adequate "Bond To Secure Temporary Pretrial Release Of Motor Vehicle - Impaired Driving," AOC-CR-331A.
5. Người nộp đơn đã lập giấy bảo chứng hợp lệ với khoản tiền đầy đủ theo mẫu AOC-CR-331A với tựa đề "Bond To Secure Temporary Pretrial Release Of Motor Vehicle - Impaired Driving" (Giấy Bảo Chứng Để Tạm Thời Lấy Lại Chiếc Xe Trước Phiên Xét Xử - Trường Hợp Lái Xe Trong Tình Trạng Không Tỉnh Táo).
6. The applicant has executed and filed an acknowledgment as defined in G.S. 20-28.2(a1)(1a), and a check of the records of the Division of Motor Vehicles indicates that the applicant has not previously executed an acknowledgment naming the defendant named above.
6. Người nộp đơn đã ký và đăng nộp mẫu xác nhận theo quy định tại điều G.S. 20-28.2(a1)(1a), và việc kiểm tra hồ sơ của Nha Lộ Vận cho thấy rằng người nộp đơn chưa từng ký giấy xác nhận trước đây mà khẳng định rằng bị cáo có tên ở trên từng là người điều khiển chiếc xe này.
7. A check of the appropriate records of the Court or the Division of Motor Vehicles indicates that a bond posted by the applicant to secure the release of the motor vehicle described above has not previously been ordered forfeited.
7. Việc kiểm tra hồ sơ phù hợp của Tòa Án hay của Nha Lộ Vận cho thấy rằng người nộp đơn chưa từng bị Tòa Án ra lệnh thu giữ một khoản tiền bảo chứng mà họ đã nộp để được trả lại chiếc xe theo miêu tả ở trên.

(Over)
(Xem mặt sau)

It is ORDERED that: (**NOTE:** If all findings above are checked, check Order No. 1 below. If any finding is not checked, check Order No. 2 below.)
Tòa Án RA LỆNH: (**LƯU Ý:** Nếu tất cả các xác nhận trên đây đều được đánh dấu thì đánh dấu vào Lệnh số 1 dưới đây. Nếu có bất kỳ xác nhận nào trên đây không được đánh dấu thì đánh dấu vào Lệnh số 2 dưới đây.)

1. The motor vehicle described above be released to the applicant upon payment of all towing and storage charges incurred as a result of the seizure and impoundment of the vehicle, on condition that the applicant return the vehicle, in substantially the same condition as it was at the time of seizure and without any new or additional liens or encumbrances, on the day of any hearing scheduled and noticed by the District Attorney under G.S. 20-28.2(c), unless the motor vehicle has been permanently released.
NOTE: Failure to return the vehicle will result in forfeiture of the applicant's bond and seizure of the vehicle, and may result in the issuance of an order to show cause why the applicant should not be held in contempt.
1. Chiếc xe được miêu tả ở trên sẽ được trả lại cho người nộp đơn sau khi thanh toán đầy đủ các chi phí kéo xe và lưu kho đã phát sinh từ việc tịch thu và lưu giữ xe, với điều kiện là nếu Công Tố Viên Quận/Hạt lên lịch và thông báo bất kỳ phiên tòa nào theo điều G.S. 20-28.2(c) thì người nộp đơn phải trả lại chiếc xe ở tình trạng về cơ bản là giống như lúc bị tịch thu và không có bất kỳ nợ hay nghĩa vụ thêm hay mới nào liên quan đến chiếc xe, trừ phi Tòa Án ra lệnh vĩnh viễn trả lại chiếc xe cho chủ trước phiên tòa.
LƯU Ý: Nếu không trả lại xe theo quy định thì khoản tiền bảo chứng của người nộp đơn sẽ bị giữ lại, chiếc xe sẽ bị tịch thu, và Tòa Án có thể ra lệnh bắt người nộp đơn hầu tòa để trình bày lý do vì sao họ không nên bị coi là phạm tội coi thường tòa án.
2. The application is denied and the motor vehicle shall remain impounded pending further orders of the Court.
2. Đơn xin bị bác bỏ và chiếc xe sẽ tiếp tục bị lưu giữ trong thời gian chờ lệnh tiếp theo của Tòa Án.

NOTE TO CLERK: Do not remove the title hold in STARS upon the entry of an order for temporary release.

LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ: Không nên hủy bỏ lệnh tạm giữ chứng từ sở hữu xe trong hệ thống STARS khi nhập lệnh tạm thời trả lại xe.

Date/ Ngày

Signature/ Chữ ký

Assistant CSC/ Phụ Tá LSTTT

Clerk Of Superior Court/ Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

II. ORDER ON PETITION FOR PERMANENT RELEASE
II. LỆNH VỀ ĐƠN XIN TRẢ LẠI CHIẾC XE VĨNH VIỄN

NOTE TO CLERK: Use Section II to enter an order either after a proceeding before the Clerk on a non-defendant motor vehicle owner's petition for permanent pretrial release of a seized motor vehicle, or after a forfeiture hearing at which a non-defendant motor vehicle owner's petition for release of a seized vehicle is heard.

LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ: Sử dụng Phần II để ghi lệnh sau khi Lục Sự xem xét đơn yêu cầu trả lại vĩnh viễn một chiếc xe bị tịch thu cho chủ sở hữu không phải là bị cáo trước phiên xét xử, hoặc sau khi Tòa Án xem xét đơn yêu cầu trả lại một chiếc xe bị tịch thu cho chủ sở hữu không phải là bị cáo tại phiên tòa về việc tước quyền sở hữu xe.

FINDINGS OF FACT
CÁC SỰ VIỆC ĐƯỢC XÁC NHẬN

This matter is before the Clerk or the Court on petition of the vehicle owner named above for release of the motor vehicle described above. A proceeding was held before the Clerk or a hearing was held before the Court on this date. On the basis of the evidence presented and the entire record in this action, the Clerk or the Court finds by the greater weight of the evidence that:

Vụ này được đưa ra trước Lục Sự hay Tòa Án chiếu theo đơn xin của chủ xe có tên trên đây để yêu cầu được trả lại chiếc xe được miêu tả ở trên. Hôm nay, một thủ tục xem xét được tổ chức trước Lục Sự hay một phiên tòa được tổ chức trước Tòa Án. Căn cứ vào các bằng chứng được trình bày cũng như toàn bộ hồ sơ về vụ này, Lục Sự hay Tòa Án xác nhận rằng có nhiều bằng chứng hơn hỗ trợ cho những điều sau đây:

1. The motor vehicle was seized on the date shown above while being driven by the defendant named above. The defendant was charged with an offense involving impaired driving and it is alleged that at the time of the violation the defendant's drivers license was revoked as a result of a prior impaired driving license revocation. the defendant did not have a valid drivers license and did not have liability insurance.
1. Chiếc xe đã bị tịch thu vào ngày nêu trên trong lúc bị cáo nêu trên là người điều khiển. Bị cáo đã bị buộc tội liên quan đến việc lái xe trong tình trạng không tỉnh táo, và có cáo buộc rằng vào lúc vi phạm bằng lái của bị cáo bị thu hồi theo lệnh thu hồi bằng lái vì lái xe trong tình trạng không tỉnh táo trước đó. bị cáo không có bằng lái còn hiệu lực và không có bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
2. The petitioner is a person in whose name a registration card or certificate of title for the motor vehicle described on the reverse side was issued at the time the vehicle was seized.
2. Người nộp đơn là người đứng tên trong giấy đăng ký hay chứng từ sở hữu của chiếc xe được miêu tả ở mặt sau vào thời điểm xe bị tịch thu.
3. The petitioner was not the driver at the time of the underlying offense resulting in the seizure
3. Người nộp đơn không phải là người lái xe vào lúc xảy ra tội ban đầu dẫn đến việc tịch thu xe
4. The petitioner is an innocent owner in that:
- a. The petitioner did not know and had no reason to know that the defendant's drivers license was revoked. the defendant did not have a valid drivers license and did not have liability insurance.
4. Người nộp đơn là một chủ sở hữu vô liên can bởi vì:
- a. Người nộp đơn đã không biết và không có lý do gì cần biết rằng bằng lái của bị cáo bị thu hồi. bị cáo không có bằng lái còn hiệu lực và không có bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

- b. The petitioner knew that the defendant's drivers license was revoked, the defendant did not have a valid drivers license and that the defendant had no liability insurance, but the defendant drove the motor vehicle without the petitioner's expressed or implied permission, and the petitioner filed a police report for unauthorized use of the motor vehicle and has agreed to prosecute the unauthorized operator of the motor vehicle.
- b. Người nộp đơn đã biết rằng bằng lái của bị cáo bị thu hồi, bị cáo không có bằng lái còn hiệu lực và không có bảo hiểm trách nhiệm dân sự, nhưng bị cáo đã lấy xe lái đi cho dù người nộp đơn không cho phép một cách rõ ràng hay ngụ ý, và người nộp đơn đã báo cáo cảnh sát về việc chiếc xe bị sử dụng trái phép cũng như đồng ý cho việc truy tố người điều khiển xe trái phép.
- c. The motor vehicle was reported stolen.
- c. Việc mất trộm chiếc xe đã được báo cáo
- d. (applicable to offenses committed prior to December 1, 2013) The petitioner is in the business of renting vehicles, and the defendant is not listed as an authorized driver on the rental contract.
 (applicable to offenses committed on or after December 1, 2013) The petitioner is a rental car company as defined in G.S. 66-201 and the defendant is not listed as an authorized driver on the rental agreement as defined in G.S. 66-201.
 the defendant is listed as an authorized driver on the rental agreement as defined in G.S. 66-201, but the petitioner had no actual knowledge of the revocation of the defendant's license at the time the rental agreement was entered.
- d. (áp dụng cho các tội vi phạm trước ngày 1 tháng 12 năm 2013) Người nộp đơn là người kinh doanh cho thuê xe và bị cáo đã không đứng tên trên hợp đồng cho thuê như là một người được phép lái xe.
 (áp dụng cho các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 tháng 12 năm 2013) Người nộp đơn là công ty cho thuê xe theo định nghĩa tại điều G.S. 66-201 và bị cáo đã không đứng tên trên hợp đồng cho thuê như là một người được phép lái xe theo định nghĩa tại điều G.S. 66-201 bị cáo đã đứng tên trên hợp đồng cho thuê như là một người được phép lái xe theo định nghĩa tại G.S. 66-201, nhưng người nộp đơn đã không có thông tin xác thực nào cho biết rằng bằng lái của bị cáo bị thu hồi vào lúc ký hợp đồng cho thuê.
- e. The petitioner is in the business of leasing motor vehicles, held legal title to the motor vehicle as lessor at the time the vehicle was seized, and had no actual knowledge of the revocation of the defendant's drivers license at the time the lease was entered.
- e. Người nộp đơn là người kinh doanh cho thuê xe, có đứng tên trên giấy sở hữu xe với tư cách là người cho thuê hợp pháp vào lúc xe bị tịch thu, và đã không có thông tin xác thực nào cho biết rằng bằng lái của bị cáo bị thu hồi vào lúc ký hợp đồng cho thuê.
5. The Clerk or the Court has been furnished a properly executed form FS-1, or other proof of insurance, and is satisfied that the petitioner is financially responsible.
5. Lục Sự hay Tòa Án đã nhận được một mẫu FS-1 được ký kết đúng cách hoặc bằng chứng bảo hiểm khác và tin rằng người nộp đơn đã đáp ứng các yêu cầu về trách nhiệm tài chính.
6. The petitioner has executed and filed an acknowledgment as defined in G.S. 20-28.2(a1)(1a).
6. Người nộp đơn đã ký và đăng nộp giấy xác nhận theo quy định tại G.S. 20-28.2(a1)(1a).
7. A check of the records of the Division of Motor Vehicles indicates that the petitioner:
- a. has not previously executed an acknowledgment naming the defendant as the operator of the vehicle described on the reverse side.
- b. previously executed an acknowledgment naming the defendant as the operator of the vehicle described on the reverse side, but has taken all reasonable precautions to prevent the use of the vehicle by the defendant and immediately reported, upon discovery, any unauthorized use of the vehicle to the appropriate law enforcement agency.
7. Việc kiểm tra hồ sơ của Nhà Lộ Vận cho thấy rằng người nộp đơn:
- a. chưa từng ký giấy xác nhận trước đây khẳng định rằng bị cáo có tên ở mặt sau từng là người điều khiển chiếc xe được miêu tả ở mặt sau.
- b. đã từng ký giấy xác nhận trước đây khẳng định rằng bị cáo từng là người điều khiển chiếc xe được miêu tả ở mặt sau nhưng cũng đã thực hiện tất cả các biện pháp thận trọng hợp lý để ngăn chặn bị cáo sử dụng chiếc xe và đã báo cáo cho cơ quan công lực phù hợp biết ngay khi phát hiện ra bất kỳ trường hợp lái xe trái phép nào.
8. If the petitioner is a vehicle lessor, the petitioner has agreed not to sell, give, or otherwise transfer possession of the motor vehicle to the defendant or to any person acting on the defendant's behalf.
8. Nếu người nộp đơn là bên cho thuê xe thì họ đồng ý không bán, tặng hoặc chuyển giao xe bằng cách khác cho bị cáo hay cho bất kỳ người nào hành động thay mặt cho bị cáo.

NOTE: If all numbered findings above are found, and either Finding 4.a, 4.b, 4.c, 4.d, or 4.e is checked, the petitioner is an innocent owner entitled to the release of the motor vehicle. If any numbered finding is not found, the petitioner is not an innocent owner and is not entitled to the release of the motor vehicle.

LƯU Ý: Nếu tất cả những mục từ 1 đến 8 ở trên được xác nhận và một trong các mục 4.a, 4.b, 4.c, 4.d, hay 4.e được đánh dấu thì người nộp đơn là chủ sở hữu vô liên can và có quyền được trả lại chiếc xe. Nếu bất kỳ mục nào trong những mục từ 1 đến 8 không được xác nhận thì người nộp đơn không phải là chủ sở hữu vô liên can và không có quyền được trả lại chiếc xe

**CONCLUSIONS OF LAW
CÁC KẾT LUẬN VỀ LUẬT PHÁP**

The petitioner named on the reverse side:

Người nộp đơn có tên ở mặt sau:

1. is an innocent owner, as defined in G.S. 20-28.2(a1)(2), and is entitled to the release of the motor vehicle described on the reverse side.
1. là một chủ sở hữu vô liên can theo định nghĩa tại G.S. 20-28.2(a1)(2) và có quyền được trả lại chiếc xe được miêu tả ở mặt sau
2. is not an innocent owner, as defined in G.S. 20-28.2(a1)(2), and is not entitled to the release of the motor vehicle described on the reverse side.
2. không phải là một chủ sở hữu vô liên can theo định nghĩa tại G.S. 20-28.2(a1)(2) và không có quyền được trả lại chiếc xe được miêu tả ở mặt sau.

**ORDER
ÁN LỆNH**

It is ORDERED that:/Tòa Án RA LỆNH:

1. The motor vehicle described on the reverse side be released to the petitioner named on the reverse side upon payment of all towing and storage charges incurred as a result of the seizure and impoundment of that vehicle, and the Clerk of Superior Court shall disburse to the petitioner all funds held by the Clerk representing proceeds of insurance or proceeds of the sale of the motor vehicle.
1. Chiếc xe được miêu tả ở mặt sau sẽ được trả lại cho người nộp đơn có tên ở mặt sau sau khi thanh toán đầy đủ các chi phí kéo xe và lưu kho đã phát sinh từ việc tịch thu và lưu giữ xe, và Lục Sự Tòa Thượng Thẩm sẽ phát cho người nộp đơn toàn bộ số tiền đã thu được từ bảo hiểm hay từ việc bán xe nếu các khoản tiền này được giữ tại Văn Phòng Lục Sự.
2. The petition is denied. The motor vehicle shall remain impounded and the Clerk shall continue to hold all funds paid into the Clerk representing proceeds of insurance or proceeds of the sale of the motor vehicle, pending further orders of the Court. If this Order is entered after a proceeding before the Clerk on pretrial release, it may be reconsidered by the Court as part of the forfeiture hearing conducted pursuant to G.S. 20-28.2(d).
2. Đơn xin bị bác bỏ. Chiếc xe sẽ tiếp tục bị lưu giữ và Lục Sự sẽ tiếp tục giữ toàn bộ số tiền đã nộp cho Văn Phòng Lục Sự từ bảo hiểm hay từ việc bán xe và chờ lệnh tiếp theo của Tòa Án. Nếu lệnh này do Lục Sự ban hành sau khi làm thủ tục xem xét việc tạm trả lại chiếc xe trước phiên xét xử thì Tòa Án có thể xem lại lệnh trong phiên xét xử về việc tước quyền sở hữu xe chiếu theo G.S. 20-28.2(d).

Date/ Ngày

Signature/ Chữ ký

Assistant CSC/ Phụ Tá LSTTT

Clerk Of Superior Court/ Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

Name (type or print)/ Tên họ (đánh máy hay viết chữ in)

District Court Judge/ Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực

Superior Court Judge/ Thẩm Phán Tòa Án Thượng Thẩm

NOTICE TO PARTY OBTAINING RELEASE: "[W]ithin 30 days of the date of the court's [release] order, the owner must make payment of the outstanding towing and storage costs for the motor vehicle and retrieve the motor vehicle, or give notice to [the] Division of Motor Vehicles requesting a judicial hearing on the validity of any mechanics' lien on the motor vehicle for towing and storage costs." G.S. 20-28.4.

THÔNG BÁO CHO ĐƯƠNG SỰ ĐƯỢC TRẢ LẠI XE: "[T]rong vòng 30 ngày kể từ ngày tòa án ra lệnh [trả lại xe], chủ xe phải thanh toán các chi phí kéo xe và lưu kho còn nợ đối với chiếc xe này và phải lấy lại chiếc xe, hoặc nếu không thì phải nộp thông báo cho Nha Lộ Vận để yêu cầu được tổ chức phiên tòa xem xét tính hợp lệ của việc chiếc xe bị giữ lại để trả nợ phát sinh từ các chi phí kéo xe và lưu kho." G.S. 20-28.4

**CERTIFICATION
XÁC NHẬN**

The forgoing is a true and correct copy of the original on file in this office.

Nội dung trên đây được sao lại chính xác và đầy đủ từ bản gốc hiện được lưu ở văn phòng này.

Date/ Ngày

Signature/ Chữ ký

Deputy CSC/ Phó LSTTT

Assistant CSC/ Phụ Tá LSTTT

Clerk Of Superior Court/ Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

NOTE TO CLERK: The Clerk shall report the entry of an order of permanent release to DMV by electronic means (STARS). G.S. 20-28.8. The Clerk shall also send a copy of the order of release or denial to the county school board attorney and the District Attorney. G.S. 20-28.3(e1).

LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ Lục Sự sẽ báo cáo cho Nha Lộ Vận biết qua đường điện tử (hệ thống STARS) về việc ban hành lệnh vĩnh viễn trả lại chiếc xe. G.S. 20-28.8. Lục Sự cũng sẽ gửi một bản sao của lệnh trả lại hay từ chối trả lại chiếc xe cho luật sư của hội đồng khu học chính quận/hạt và Công Tố Viên Quận/Hạt. G.S. 20-28.3(e1).